

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế
đối với Chương trình khuyến công

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012;

Liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ, đề án được bố trí nguồn vốn trực tiếp từ Chương trình khuyến công theo Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 (sau đây gọi là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng được nhà nước hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn và xã (gọi là cơ sở công nghiệp nông thôn); bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

2. Các tổ chức dịch vụ khuyến công, gồm: Trung tâm khuyến công, cơ sở đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 3. Ngành nghề được hưởng kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn và xã được hưởng kinh phí khuyến công của nhà nước đối với các ngành nghề sau:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản;
2. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động;
3. Sản xuất sản phẩm mới, hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;
4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp;
5. Thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất lắp đặt dưới 10.000 KW để cung cấp điện cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
6. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh;
7. Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Điều 4. Nội dung chi hoạt động khuyến công

1. Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề
 - a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề (chủ yếu là tại chỗ), ngắn hạn (dưới 1 năm), gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn;
 - b) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề ở nông thôn.
2. Chương trình nâng cao năng lực quản lý
 - a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu khởi sự, quản trị doanh nghiệp công nghiệp nông thôn có nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế và đối tượng đào tạo;
 - b) Chi đào tạo cán bộ của các tổ chức dịch vụ khuyến công để có đủ năng lực tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo của chương trình (đào tạo giảng viên);
 - c) Chi tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp nông thôn;
 - d) Chi tổ chức hội thảo, giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ mới và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp cho cơ sở công nghiệp nông thôn;
 - đ) Chi tổ chức, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các khóa học, hội thảo; khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước;

e) Chi tư vấn, hỗ trợ lập dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh để thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp mới thành lập.

3. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiên bộ khoa học kỹ thuật

a) Chi điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiên bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyển giao;

b) Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn trong các lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp để khuyến khích hiện đại hoá công nghệ truyền thống; sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông - lâm - thủy sản; chế biến nguyên liệu, đặc biệt là quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu phân tán để cung cấp cho các cơ sở công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp;

c) Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường.

4. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

a) Chi xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước;

b) Chi xây dựng và ban hành hệ thống Quy chế bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng theo 5 cấp: xã, huyện, tỉnh, khu vực (vùng), quốc gia;

c) Chi tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh, khu vực, quốc gia;

d) Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói... để tạo ra những sản phẩm đạt được cấp cao hơn;

đ) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Xây dựng, đăng ký thương hiệu và các hoạt động xúc tiến thương mại.

5. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin

a) Chi hỗ trợ hoạt động tư vấn khuyến công trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; đất đai; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn;

b) Chi hình thành và phát triển các hoạt động tư vấn khuyến công, gồm: điểm tư vấn cố định; tư vấn trực tiếp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; tư vấn qua mạng internet và các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Chi xây dựng trung tâm dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn, mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công từ trung ương đến địa phương;

d) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác.

6. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm - điểm công nghiệp

a) Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

b) Chi hỗ trợ hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp;

c) Chi hỗ trợ lập quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương tại những địa bàn khó khăn, công nghiệp chậm phát triển.

7. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công

a) Chi nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công;

b) Chi tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công từ Trung ương đến địa phương;

c) Chi cơ sở vật chất kỹ thuật cho các Trung tâm khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa, kết nối với các cơ quan, viện, trường, doanh nghiệp có khả năng thực hiện các hoạt động đào tạo, tư vấn kỹ thuật tại cơ sở;

d) Chi xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công;

đ) Chi hợp tác quốc tế để hỗ trợ cho hoạt động khuyến công trong nước.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Ngân sách Trung ương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công quốc gia do Bộ Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện và bổ sung chỉ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo chương trình, kế hoạch, đề án được phê duyệt.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và tổ chức thực hiện.

3. Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép

các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của Chương trình.

Điều 6. Phân cấp nhiệm vụ chỉ khuyến công

1. Nhiệm vụ chỉ của khuyến công quốc gia

a) Kinh phí khuyến công quốc gia bảo đảm chi cho các hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 134/2004/NĐ-CP của Chính phủ và các nội dung Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 quy định tại Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Công thương quản lý và tổ chức thực hiện đối với những hoạt động, sản phẩm sản xuất có ý nghĩa toàn quốc hoặc khu vực, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp vùng, ngành và lãnh thổ;

b) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công quốc gia

- Chi biên soạn giáo trình, tài liệu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn về khuyến công;
- Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trên các phương tiện thông tin đại chúng phát trên toàn quốc;
- Chi xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công quốc gia, từng giai đoạn;
- Chi kiểm tra, giám sát hoạt động khuyến công tại các địa phương và cơ sở;
- Chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác khuyến công;
- Chi khen thưởng theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương;
- Chi vốn đối ứng cho các dự án, đề án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công;
- Các khoản chi khác (nếu có).

2. Nhiệm vụ chỉ của khuyến công địa phương

a) Kinh phí khuyến công địa phương bảo đảm chi cho các hoạt động khuyến công theo các nội dung Chương trình khuyến công địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định 134/2004/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do địa phương thực hiện đối với những hoạt động, sản phẩm sản xuất ra có ý nghĩa trong tỉnh hoặc khu vực phù hợp với chiến lược, quy hoạch về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

b) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công địa phương

- Chi biên soạn giáo trình, tài liệu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn về khuyến công;
- Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trong phạm vi địa phương;
- Chi xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm tại địa phương;